

MỤC TIÊU

- Đề thi gồm 40 câu trắc nghiệm
- Phần kiến thức: chủ yếu nằm trong chương trình Địa lí 12, thuộc 3 chuyên đề: Địa lí tự nhiên, Địa lí dân cư, Địa lí ngành các ngành kinh tế Việt Nam (Ngành nông nghiệp và công nghiệp). Có 1 câu hỏi thuộc kiến thức Địa lí 11 – Bài Đông Nam Á.
- Phần kĩ năng: bao gồm các kĩ năng làm việc với Atlas, biểu đồ và bảng số liệu.
- Mức độ câu hỏi từ nhận biết đến thông hiểu, vận dụng và vận dụng cao; đề thi có nhiều câu hỏi hay, phù hợp cho nhiều đối tượng HS luyện tập, củng cố kiến thức.

Câu 1: Nét nổi bật của địa hình vùng núi Tây Bắc là:

- A. Gồm các khối núi và các cao nguyên
- B. Có nhiều núi cao đồ sộ nhất cả nước
- C. Có bốn dãy núi hình cánh cung lớn
- D. Địa hình núi cao hai đầu và thấp giữa

Câu 2: Sự hình thành gió mùa Đông Nam ở đồng bằng Bắc Bộ nước ta là do tác động kết hợp của

- A. gió mùa Tây Nam từ Nam bán cầu lên và dải hội tụ nhiệt đới.
- B. gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương đến và dãy Trường Sơn.
- C. gió mùa Tây Nam từ Nam bán cầu lên và áp thấp vịnh Bắc Bộ.
- D. gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương đến và dãy Bạch Mã.

Câu 3: Chồng hạn hán ở nước ta phải luôn kết hợp với chống

- A. xói mòn.
- B. nhiễm mặn.
- C. lở đất
- D. cháy rừng.

Câu 4: Đặc điểm nào sau đây không thuộc cơ cấu công nghiệp theo ngành của nước ta:

- A. Cơ cấu ngành công nghiệp đang có sự chuyển dịch rõ nét.
- B. Trong cơ cấu công nghiệp nổi lên một số ngành công nghiệp trọng điểm
- C. Sản xuất công nghiệp có sự phân hóa theo không gian.
- D. Cơ cấu ngành công nghiệp khá đa dạng

Câu 5: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết trung tâm kinh tế nào sau đây có tỉ trọng khu vực công nghiệp - xây dựng lớn nhất?

- A. Cần Thơ.
- B. Hải Phòng
- C. Đà Nẵng
- D. Long Xuyên.

Câu 6: Khu vực dịch vụ đã có những bước tăng trưởng ở một số mặt, nhất là trong lĩnh vực liên quan đến

- A. kết cấu hạ tầng kinh tế và phát triển đô thị.
- B. phát triển các loại hình dịch vụ mới.
- C. tập trung vào các loại hình dịch vụ ứng dụng công nghệ cao.
- D. đẩy mạnh các loại hình dịch vụ chăm sóc sức khỏe

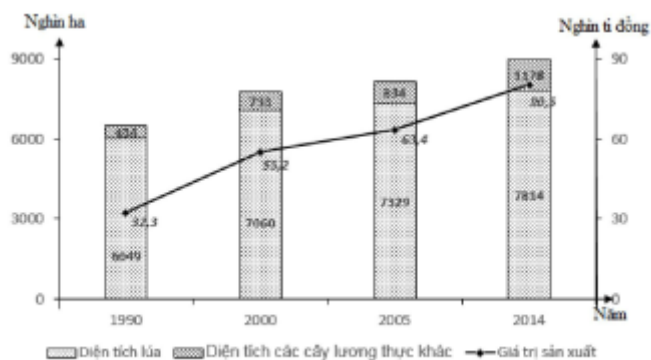
Câu 7: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết khu kinh tế ven biển nào sau đây không thuộc Bắc Trung Bộ?

- A. Nghi Sơn.
- B. Vũng Áng.
- C. Chu Lai.
- D. Hòn La

Câu 8: Đặc điểm khác nhau cơ bản về địa hình giữa Đồng bằng Sông Cửu Long và Đồng Bằng Sông Hồng là:

- A. Bề mặt bị chia cắt bởi sông ngòi, kênh rạch
- B. Địa hình được chia thành ba dải.
- C. Có nhiều ở trũng ngập nước
- D. Bề mặt đồng bằng có nhiều núi sót

Câu 9: Cho biểu đồ:



Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào dưới đây?

- A. Diện tích gieo trồng và giá trị sản xuất của cây lương thực ở nước ta giai đoạn 1990 - 2014
- B. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất nông nghiệp và diện tích cây lương thực của nước ta
- C. Quy mô và cơ cấu giá trị sản xuất của cây lương thực ở nước ta giai đoạn 1990 - 2014.
- D. Diện tích trồng lúa, diện tích cây lương thực và giá trị sản xuất lương thực của nước ta

Câu 10: Đồng bằng sông Hồng không được bồi đắp phù sa thường xuyên chủ yếu do

- A. Có nhiều gò đồi cao.
- B. Có đê ngăn lũ.
- C. Mưa theo mùa
- D. Sông ít phù sa

Câu 11: Điểm giống nhau chủ yếu nhất giữa địa hình bán bình nguyên và đồi là:

- A. Được hình thành do tác động của dòng chảy chia cắt các thềm phù sa cổ.
- B. Có cả đất phù sa cổ lẫn đất đỏ badan
- C. Được nâng lên yếu trong vận động Tán kiến tạo.
- D. Nằm chuyển tiếp giữa miền núi và đồng bằng

Câu 12: Nhân tố làm cho quá trình phân công lao động xã hội nước ta chậm chuyển biến là do

- A. các hoạt động sản xuất ít đa dạng
- B. năng suất lao động xã hội thấp.
- C. cơ cấu kinh tế chuyển biến chậm.
- D. phần lớn lao động có thu nhập thấp.

Câu 13: Các điểm cực Bắc, Nam, Đông, Tây trên đất liền của nước ta lần lượt thuộc phạm vi lãnh thổ các tỉnh

- A. Hà Giang, Cà Mau, Điện Biên, Khánh Hòa
- B. Hà Giang, Cà Mau, Khánh Hòa, Điện Biên.
- C. Điện Biên, Khánh Hòa, Cà Mau, Hà Giang
- D. Điện Biên, Hà Giang, Cà Mau, Khánh Hòa

Câu 14: Nhận định nào sau đây không chính xác về đặc điểm dân số của nước ta?

- A. Trình độ tay nghề người lao động chưa cao
- B. Nước ta có dân số đông với nhiều thành phần dân tộc
- C. Trong cơ cấu dân số, tỉ lệ người trong tuổi lao động là lớn nhất.
- D. Phân bố dân cư không đồng đều.

Câu 15: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết hệ thống sông nào sau đây có tỉ lệ diện tích lưu vực nhỏ nhất trong các hệ thống sông?

- A. Sông Thu Bồn.
- B. Sông Kỳ Cùng - Bằng Giang
- C. Sông Ba
- D. Sông Thái Bình.

Câu 16: Sự khác nhau rõ nét giữa vùng núi Trường Sơn Nam và Trường Sơn Bắc là:

- A. Địa hình cao hơn.
- B. Địa hình nổi bị cắt xẻ mạnh hơn.
- C. Tính bất đối xứng giữa hai sườn rõ nét hơn.
- D. Tất cả đều sai

Câu 17: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, nhận xét nào sau đây đúng với công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng của nước ta?

- A. Tập trung nhiều nhất ở đô thị lớn.
- B. Giá trị sản xuất biến động qua các năm.
- C. Cần Thơ là trung tâm lớn nhất.
- D. Giá trị công nghiệp ngành dệt may thấp nhất.

Câu 18: Cơ cấu sử dụng lao động trong các ngành kinh tế của nước ta hiện nay có sự thay đổi chủ yếu là do

- A. sự phân bố lại dân cư và lao động giữa các vùng
- B. hội nhập kinh tế thế giới và khu vực

- C. kết quả của quá trình đô thị hoá
- D. kết quả của quá trình công nghiệp hoá-hiện đại hoá.

Câu 19: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết nhận xét nào sau đây không đúng về công nghiệp năng lượng nước ta?

- A. Sản lượng dầu thô khai thác tăng nhanh hơn sản lượng than khai thác qua các năm.
- B. Sản lượng điện cả nước tăng liên tục qua các năm.
- C. Tỉ trọng công nghiệp năng lượng ngày càng tăng trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp.
- D. Công nghiệp năng lượng nước ta thường phân bố gần vùng nguyên, nhiên liệu.

Câu 20: Từ vĩ tuyến 16°B trở vào, về mùa đông gió thịnh hành là:

- A. Gió Đông Bắc thổi từ cao áp cận chí tuyến nửa cầu Bắc
- B. Gió mùa Tây Nam thổi từ cao áp ở An Độ Dương.
- C. Gió mùa Đông Bắc thổi từ cao áp Xibia
- D. Gió Tây Nam thổi từ cao áp cận chí tuyến nửa cầu Nam.

Câu 21: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 20, cho biết phát biểu nào sau đây không đúng về thủy sản nước ta?

- A. Thủy sản khai thác có sản lượng tăng nhanh hơn thủy sản nuôi trồng.
- B. Kiên Giang là tỉnh có sản lượng thủy sản khai thác lớn nhất cả nước
- C. Quảng Ninh có sản lượng thủy sản khai thác lớn hơn thủy sản nuôi trồng.
- D. Giai đoạn 2000 - 2007, sản lượng thủy sản của nước ta tăng liên tục

Câu 22: Điều kiện tự nhiên thuận lợi cho hoạt động nuôi trồng thủy sản nước ta là:

- A. Có nhiều vùng vịnh, đầm phá, sông ngòi, kênh rạch.
- B. Biển lớn giàu năng
- C. Có nhiều ngư trường đánh cá lớn.
- D. Nhân dân có nhiều kinh nghiệm trong nuôi trồng thủy sản.

Câu 23: Đất ở các đồng bằng Bắc Trung Bộ thuận lợi phát triển loại cây nào dưới đây?

- A. Rau đậu.
- B. Cây công nghiệp hàng năm.
- C. Cây công nghiệp lâu năm.
- D. Lúa nước

Câu 24: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích trồng cây công nghiệp lâu năm lớn hơn cây công nghiệp hàng năm?

- A. Ninh Thuận.
- B. Quảng Trị
- C. Sóc Trăng
- D. Khánh Hòa

Câu 25: Nguyên nhân chủ yếu làm cho Biển Đông có ảnh hưởng đến thiên nhiên nước ta không phải là:

- A. Đường bờ biển dài (3260 km)
- B. Nước ta tiếp giáp với vùng biển Đông rộng có hình dạng tương đối khép kín.
- C. Phần đất liền của lãnh thổ nước ta hẹp ngang
- D. Đặc điểm hải văn của Biển Đông có tính chất nhiệt đới gió mùa

Câu 26: Ở nước ta dạng địa hình được hình thành do phong hóa hóa học là ở những vùng có đá mẹ là:

- A. Đá phiến
- B. Đá trầm tích
- C. Đá vôi
- D. Đá badan

Câu 27: Sự đa dạng của địa hình nước ta được thể hiện ở:

- A. Địa hình bị chia cắt mạnh mẽ
- B. Địa hình có nhiều dạng núi cao, núi trung bình, sơn nguyên, cao nguyên, bán bình nguyên.
- C. Có nhiều dạng địa hình và nhiều hướng địa hình.
- D. Địa hình có nhiều đồi núi.

Câu 28: Để bảo vệ nguồn gen động, thực vật quý hiếm khỏi nguy cơ tuyệt chủng, Nhà nước ta đã

- A. cấm khai thác các loại gỗ quý hiếm.
- B. xây dựng khu bảo bảo tồn thiên nhiên.
- C. cấm săn bắt động vật trái phép.
- D. ban hành Sách đỏ Việt Nam.

Câu 29: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết nhận xét nào không đúng về công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nước ta?

- A. tỉ trọng giá trị sản xuất tăng nhanh trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp

B. cơ cấu ngành tương đối đa dạng

C. phân bố không đều trên cả nước, tập trung chủ yếu ở Đồng Bằng Sông Hồng, Đông Nam Bộ, Đồng Bằng Sông Cửu Long.

D. giá trị sản xuất tăng liên tục qua các năm

Câu 30: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có ngành hóa chất?

A. Nha Trang

B. Quy Nhơn.

C. Vinh

D. Phan Thiết

Câu 31: Nhận định nào sau đây chưa chính xác về các nước trong khu vực Đông Nam Á?

A. Khu vực thường xảy ra thiên tai như: Bão, lụt, động đất...

B. Có nhiều ưu thế để phát triển kinh tế biển

C. Ngành nông nghiệp vẫn chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu kinh tế của đa số quốc gia

D. Là khu vực nằm trong vành đai nhiệt đới, giàu tài nguyên thiên nhiên, có khí hậu nóng ẩm, nguồn lao động dồi dào

Câu 32: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết địa điểm nào sau đây có biên độ nhiệt trung bình năm nhỏ nhất?

A. Đà Nẵng.

B. Cần Thơ

C. Đồng Hới.

D. Lạng Sơn

Câu 33: Chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ trong nông nghiệp của nước ta hiện nay biểu hiện ở việc

A. phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới.

B. đa dạng hóa sản phẩm nông nghiệp.

C. hình thành các vùng chuyên canh.

D. thay đổi cơ cấu mùa vụ.

Câu 34: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13-14, cho biết cao nguyên nào sau đây thuộc miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ?

A. Mơ Nông.

B. Sơn La

C. Mộc Châu.

D. Tà Phình.

Câu 35: Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN VÀ GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU THỦY SẢN CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 – 2015

| Năm | Tổng sản lượng (nghìn tấn) | Sản lượng nuôi trồng (nghìn tấn) | Giá trị xuất khẩu (triệu đô la Mỹ) |
|------|-------------------------------|-------------------------------------|---------------------------------------|
| 2010 | 5 134 | 2 728 | 5 017 |
| 2013 | 6 020 | 3 216 | 6 693 |
| 2014 | 6 333 | 3 413 | 7 825 |
| 2015 | 6 582 | 3 532 | 6 569 |

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Theo bảng số liệu, để thể hiện sản lượng và giá trị xuất khẩu thủy sản của nước ta, giai đoạn 2010-2015, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

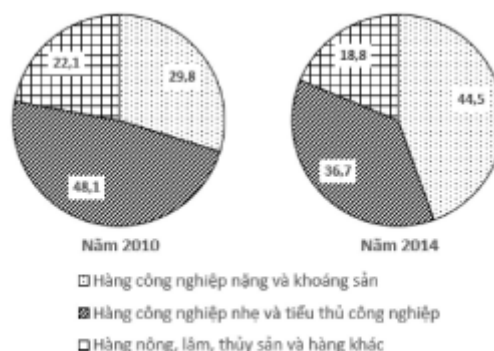
A. Đường

B. Cột.

C. Miền

D. Kết hợp

Câu 36: Cho biểu đồ:



Căn cứ vào biểu đồ, hãy cho biết nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ?

A. Tỉ trọng hàng nông, lâm thủy sản và hàng khác luôn nhỏ nhất.

- B. Tỷ trọng hàng công nghiệp nặng và khoáng sản giảm mạnh.
- C. Tỷ trọng hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp tăng
- D. Tỷ trọng hàng công nghiệp nặng và khoáng sản luôn lớn nhất.

Câu 37: Tiềm năng về thủy điện của nước ta tập trung chủ yếu ở hệ thống sông nào sau đây?

- A. Hệ thống sông Thu Bồn.
- B. Hệ thống sông Xe Xan.
- C. Hệ thống sông Hồng.
- D. Hệ thống sông Đồng Nai.

Câu 38: Sự chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ công nghiệp nước ta được thể hiện ở

- A. Nhiều khu công nghiệp tập trung, khu chế xuất, khu kinh tế cảng biển...được xây dựng và phát triển
- B. Các ngành công nghiệp đa dạng, ngày càng xuất hiện nhiều ngành công nghiệp mới.
- C. Các sản phẩm công nghiệp ngày càng đa dạng.
- D. Tỷ trọng của ngành công chế biến tăng, tỷ trọng công nghiệp khai thác, công nghiệp sản xuất phân phối điện, khí đốt, nước giảm.

Câu 39: Nguyên nhân làm cho khí hậu nước ta có đặc điểm nhiệt đới ẩm gió mùa là:

- A. Nằm trong khu vực Đông Nam Á, mỗi năm có hai lần mặt trời lên thiên đỉnh
- B. Nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến, nằm gần trung tâm gió mùa Châu Á, tiếp giáp với biển Đông.
- C. Nước ta nằm trong vùng có khí hậu nóng, chịu tác động của gió mùa
- D. Vị trí nước ta nằm gần trung tâm gió mùa châu Á và tiếp giáp với biển Đông rộng lớn.

Câu 40: Cho bảng số liệu:

SỐ LƯỢNG GIA SÚC VÀ GIA CẦM CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2015

| Năm | Trâu (nghìn con) | Bò (nghìn con) | Lợn (nghìn con) | Gia cầm (nghìn con) |
|------|---------------------|-------------------|--------------------|------------------------|
| 2000 | 2 897,2 | 4 127,9 | 20 193,8 | 196,1 |
| 2005 | 2 922,2 | 5 540,7 | 27 435,0 | 219,9 |
| 2009 | 2 886,6 | 6 103,3 | 27 627,7 | 280,2 |
| 2015 | 2 534,0 | 5 367,2 | 27 750,7 | 341,9 |

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)

Căn cứ vào hàng số liệu trên, cho biết vật nuôi nào có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất trong giai đoạn 2000 - 2015?

- A. Trâu.
- B. Bò.
- C. Gia cầm.
- D. Lợn.

----- HẾT -----

BẢNG ĐÁP ÁN

| | | | | | | | | | |
|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|
| 1-B | 2-C | 3-D | 4-C | 5-C | 6-A | 7-C | 8-A | 9-A | 10-B |
| 11-D | 12-C | 13-A | 14-A | 15-A | 16-C | 17-A | 18-D | 19-C | 20-A |
| 21-A | 22-A | 23-B | 24-B | 25-A | 26-C | 27-C | 28-D | 29-A | 30-A |
| 31-C | 32-B | 33-C | 34-A | 35-D | 36-A | 37-C | 38-B | 39-B | 40-C |

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

Câu 1 (NB)

Phương pháp: Kiến thức bài 6 - Đất nước nhiều đồi núi

Cách giải:

- Loại A: các khối núi và cao nguyên là đặc điểm vùng Trường Sơn Nam
- Loại C: bốn cánh cung lớn là đặc điểm vùng núi Đông Bắc
- Loại D: nâng cao hai đầu, thấp ở giữa là đặc điểm vùng núi Trường Sơn Bắc
- B đúng: Nét nổi bật của địa hình vùng núi Tây Bắc là có nhiều núi cao đồ sộ nhất cả nước. Địa hình là dãy Hoàng Liên Sơn.

Chọn B.

Câu 2 (TH)

Phương pháp: Kiến thức bài 9 – Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa

Cách giải:

Sự hình thành gió mùa Đông Nam ở đồng bằng Bắc Bộ nước ta là do áp thấp Bắc Bộ khơi sâu hút gió mùa Tây Nam đổi hướng đông nam \Rightarrow gọi là gió mùa Đông Nam

Chọn C.

Câu 3 (TH)

Phương pháp: Kiến thức bài 15 – Bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai

Cách giải:

Chống hạn hán ở nước ta phải luôn kết hợp với chống cháy rừng. Bởi thời tiết khô nóng rất dễ xảy ra hiện tượng cháy rừng trên diện rộng.

Chọn D.

Câu 4 (NB)

Phương pháp: Kiến thức bài 26 – Cơ cấu ngành công nghiệp

Cách giải:

Sản xuất công nghiệp có sự phân hóa theo không gian là đặc điểm của cơ cấu công nghiệp theo lãnh thổ – Đây không phải là đặc điểm của cơ cấu công nghiệp theo ngành ở nước ta

Chọn C.

Câu 5 (NB)

Phương pháp: Sử dụng Atlas Địa lí trang 17

Cách giải:

Trung tâm kinh tế có tỉ trọng ngành công nghiệp- xây dựng lớn nhất là Đà Nẵng.

Chọn C.

Câu 6 (NB)

Phương pháp: Kiến thức bài 20 – Chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Cách giải:

Khu vực dịch vụ đã có những bước tăng trưởng ở một số mặt, nhất là trong lĩnh vực liên quan đến kết cấu hạ tầng kinh tế và phát triển đô thị.

Chọn A.

Câu 7 (NB)

Phương pháp: Sử dụng Atlas Địa lí trang 27

Cách giải:

Khu kinh tế ven biển Chu Lai thuộc vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, không thuộc vùng Bắc Trung Bộ.

Chọn C.

Câu 8 (VD)

Phương pháp: Kiến thức bài 6 – Đất nước nhiều đồi núi (khu vực Đồng bằng)

Cách giải:

Đồng bằng sông Cửu Long bề mặt địa hình bị chia cắt bởi mạng lưới sông ngòi, kênh rạch chằng chịt. Còn đồng bằng sông Hồng bề mặt bị chia cắt bởi hệ thống đê điều.

Chọn A.

Câu 9 (TH)

Phương pháp: Kỹ năng nhận diện nội dung biểu đồ

Cách giải:

- Loại B: biểu đồ đường (đơn vị %) -> thể hiện tốc độ tăng trưởng
- Loại C: biểu đồ tròn thể hiện quy mô và cơ cấu
- Loại D: chú giải cho thấy biểu đồ trên thể hiện diện tích trồng lúa và diện tích các cây lương thực khác
⇒ không phải diện tích trồng lúa và diện tích cây lương thực
- A đúng: Biểu đồ cột chồng kết hợp đường ⇒ biểu đồ trên thể hiện: Diện tích gieo trồng và giá trị sản xuất của cây lương thực ở nước ta giai đoạn 1990 - 2014

Chọn A..

Câu 10 (VD)

Phương pháp: Kiến thức bài 6 – Đất nước nhiều đồi núi (khu vực Đồng bằng)

Cách giải:

Đồng bằng sông Hồng không được bồi đắp phù sa thường xuyên chủ yếu do có hệ thống đê ngăn lũ = khiến vùng đất trong đê không được bồi đắp phù sa hằng năm

Chọn B.

Câu 11 (TH)

Phương pháp: Liên hệ kiến thức bài 6 – Đất nước nhiều đồi núi (Khu vực Đồi trung du và bán bình nguyên)

Cách giải:

Điểm giống nhau chủ yếu nhất giữa địa hình bán bình nguyên và đồi là: đây đều là dạng địa hình nằm chuyển tiếp giữa miền núi và đồng bằng.

Chọn D.

Câu 12 (VDC)

Phương pháp: Chú ý đến nhân tố có tác động chủ yếu và cơ bản nhất

Cách giải:

Nhân tố “chủ yếu” làm cho quá trình phân công lao động xã hội nước ta chậm chuyển biến là do cơ cấu kinh tế chuyển biến chậm, đặc biệt là trong cơ cấu ngành kinh tế. Đây là nguyên nhân chủ yếu và bao quát nhất, có tác động đến năng suất và thu nhập của người lao động.

Ví dụ: Biểu hiện ở sự tập trung lao động chủ yếu trong ngành nông - lâm - ngư nghiệp; lao động trong công nghiệp xây dựng và dịch vụ còn ít. Nguyên nhân do trình độ phát triển kinh tế còn thấp, hoạt động sản xuất

nông nghiệp vẫn phổ biến, công nghiệp và dịch vụ chưa phát triển mạnh, khả năng áp dụng tiến bộ khoa học – kỹ thuật và máy móc trong sản xuất còn hạn chế.

⇒ dẫn đến năng suất lao động lao động xã hội thấp, phần lớn lao động có thu nhập thấp

⇒ làm cho phân công lao động xã hội chậm chuyển biến.

Chọn C.

Câu 13 (NB)

Phương pháp: Kiến thức bài 16 – Đặc điểm dân số và phân bố dân cư nước ta

Cách giải:

Trình độ tay nghề người lao động là đặc điểm nguồn lao động nước ta. Đây không phải là nhận định đúng về đặc điểm dân số.

Chọn A.

Câu 14 (NB)

Phương pháp: Kiến thức bài 16 – Đặc điểm dân số và phân bố dân cư nước ta

Cách giải:

Trình độ tay nghề người lao động là đặc điểm nguồn lao động nước ta. Đây không phải là nhận định đúng về đặc điểm dân số.

Chọn A.

Câu 15 (NB)

Phương pháp: Sử dụng Atlas Địa lí trang 10

Cách giải:

Hệ thống sông có tỉ lệ diện tích lưu vực nhỏ nhất trong các hệ thống sông là sông Thu Bồn (3,12%)

Chọn A.

Câu 16 (TH)

Phương pháp: Kiến thức bài 6 – Đất nước nhiều đồi núi

Cách giải:

Sự khác nhau rõ nét nhất giữa vùng núi Trường Sơn Nam và Trường Sơn Bắc là: vùng núi Trường Sơn Nam có sự bất đối xứng giữa hai sườn Đông - Tây rõ nét hơn.

- Phía Đông là các khối núi và cao nguyên đồ sộ, sườn dốc chênh vênh bên dải đồng bằng hẹp ven biển
- Phía Tây là bề mặt các cao nguyên badan rộng lớn, tương đối bằng phẳng, độ cao xếp tầng.

Chọn C.

Câu 17 (TH)

Phương pháp: Sử dụng Atlas Địa lí trang 22

Cách giải:

Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng ở nước ta tập trung nhiều nhất ở các đô thị lớn (Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh..). Do đây là những khu vực có nguồn lao động dồi dào và thị trường tiêu thụ lớn => phù hợp với sự phát triển của ngành này.

Chọn A.

Câu 18 (VD).

Phương pháp: Kiến thức bài 20 – Chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Cách giải:

Chú ý từ khóa: cơ cấu ngành kinh tế

Cơ cấu sử dụng lao động trong các ngành kinh tế của nước ta hiện nay có sự thay đổi chủ yếu là do kết quả của quá trình công nghiệp hoá-hiện đại hoá đất nước: lao động trong các ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ tăng lên, lao động trong ngành nông - lâm - ngư nghiệp có xu hướng giảm.

Chọn D.

Câu 19 (VD)

Phương pháp: Kỹ năng sử dụng Atlas (trang 22) và nhận xét biểu đồ

Cách giải:

- A đúng: sản lượng dầu thô khai thác tăng nhanh hơn sản lượng than khai thác dầu thô tăng 2,6 lần; than giảm)
- B đúng: sản lượng điện cả nước tăng lên liên tục (từ 26,7 tỉ kwh lên 64,1 tỉ kWh)
- D đúng: công nghiệp năng lượng nước ta thường phân bố gần vùng nguyên, nhiên liệu (nhà máy nhiệt điện phân bố gần các mỏ than và dầu khí, nhà máy thủy điện phân bố trên các con sông lớn)
- C không đúng: tỉ trọng công nghiệp năng lượng ngày càng giảm trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp (từ 18,6% xuống 11,1%) => nhận xét tăng lên là sai

Chọn C.

Câu 20 (TH)

Phương pháp: Kiến thức bài 9– Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa

Cách giải:

Chú ý đề bài hỏi vào thời điểm: mùa đông (tháng 11- 4)

- Loại B, D: vì đây là các loại gió thổi vào mùa hè (từ tháng 5 – 10)

- Loại C: vì gió mùa Đông Bắc bị chặn lại ở dãy Bạch Mã (từ 16°B trở vào gió mùa Đông Bắc gần như không chịu tác động của gió mùa Đông Bắc nữa)
- A đúng: từ vĩ tuyến 16°B trở vào, về mùa đông gió thịnh hành là: Gió Đông Bắc thổi từ cao áp cận chí tuyến nửa cầu Bắc \Rightarrow đây chính là gió Tín phong Bắc bán cầu thổi vào nước ta theo hướng Đông Bắc (gọi tắt là gió Đông Bắc).

Chọn A.

Câu 21 (VD)

Phương pháp: Atlat trang 20 – Kỹ năng sử dụng Atlat và đọc biểu đồ

Cách giải:

- B đúng: Kiên Giang là tỉnh có sản lượng thủy sản khai thác lớn nhất cả nước (315 157 nghìn tấn)
- C đúng: Quảng Ninh có sản lượng thủy sản khai thác lớn hơn thủy sản nuôi trồng
- D đúng: giai đoạn 2000 – 2007 sản lượng thủy sản của nước ta tăng liên tục (từ 2250,5 nghìn tấn lên 4197,8 nghìn tấn)
- A không đúng: thủy sản khai thác có sản lượng tăng chậm hơn nuôi trồng (khai thác tăng 1,25 lần; nuôi trồng tăng 3,6 lần) \Rightarrow nhận xét tăng nhanh hơn là sai

Chọn A.

Câu 22 (TH)

Phương pháp: Kiến thức bài 23 – Vấn đề phát triển thủy sản và lâm nghiệp

Cách giải:

Xác định từ khóa: tự nhiên, nuôi trồng

- Loại B, C: đây là điều kiện cho phát triển đánh bắt thủy sản
- Loại D: đây là điều kiện về kinh tế - xã hội
- Chọn A: nước ta có nhiều vùng vịnh, đầm phá, sông ngòi, kênh rạch thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản nước ngọt và nước lợ.

Chọn A.

Câu 23 (NB)

Phương pháp: Kiến thức bài 6 – Đất nước nhiều đồi núi

Cách giải:

Các đồng bằng Bắc Trung Bộ chủ yếu có đất cát pha, nghèo dinh dưỡng, ít phù sa thuận lợi cho trồng cây công nghiệp hằng năm (lạc, mía, vừng...)

Chọn B.

Câu 24 (NB)

Phương pháp: Sử dụng Atlat Địa lí trang 19

Cách giải:

Tỉnh có diện tích trồng cây công nghiệp lâu năm lớn hơn cây công nghiệp hằng năm là Quảng Trị.

Chọn B.

Câu 25 (VD)

Phương pháp: Kiến thức bài 8 – Thiên nhiên chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển

Cách giải:

Nguyên nhân chủ yếu làm cho biển Đông có ảnh hưởng đến thiên nhiên nước ta là do:

- Nước ta tiếp giáp vùng biển Đông rộng lớn và tương đối khép kín, diện tích biển Đông lớn gấp 3 lần diện tích lãnh thổ đất liền \Rightarrow nước ta được cung cấp nguồn nhiệt và ẩm vô cùng dồi dào từ biển Đông. \Rightarrow loại B
- Lãnh thổ hẹp ngang \Rightarrow tạo điều kiện cho tính biển dễ dàng xâm nhập sâu vào đất liền \Rightarrow loại C
- Biển Đông có tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa với nền nhiệt cao, độ ẩm lớn, có các loại gió và dòng chảy theo mùa \Rightarrow ảnh hưởng đến tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của thiên nhiên nước ta. \Rightarrow loại D
- A không phải là nguyên nhân chủ yếu: vì mặc dù đường bờ biển dài nhưng nếu vùng đất liền có lãnh thổ rộng lớn hoặc bị chắn lại bởi dãy núi ven biển thì tính biển cũng không xâm nhập sâu vào đất liền được

(ví dụ. lãnh thổ Trung Quốc quá rộng lớn nên tính biển khó xâm nhập sâu, vùng trung tâm khí hậu mang tính lục địa khô hạn; hoặc khu vực Tây Nam Á có 3 mặt giáp biển nhưng vị trí khuất gió và vùng biển hẹp nên vẫn rất khô hạn)

Chọn A.

Câu 26 (TH)

Phương pháp: Kiến thức bài 10 – Địa hình nhiệt đới ẩm gió mùa

Cách giải:

Chú ý từ khóa “phong hóa hóa học”

⇒ Đá vôi là loại đá dễ xảy ra phản ứng hóa học hòa tan đá vôi khi gặp nước, tại những vùng núi đá vôi thường hình thành các dạng địa hình cacx – to với hang động

Chọn C.

Câu 27 (TH)

Phương pháp: Bài 6 – Đất nước nhiều đồi núi, chú ý từ khóa “đa dạng

Cách giải:

Sự đa dạng của địa hình nước ta được thể hiện ở đặc điểm: nước ta có nhiều dạng địa hình (núi cao, núi thấp, cao nguyên, đồng bằng, bán bình nguyên, đồi trung du, địa hình ven biển...), nhiều hướng địa hình (tây bắc - đông nam, vòng cung, đông - tây)

Chọn C.

Câu 28 (NB)

Phương pháp: Kiến thức bài 14 – Sử dụng và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên

Cách giải:

Để bảo vệ nguồn gen động, thực vật quý hiếm khỏi nguy cơ tuyệt chủng, Nhà nước ta đã ban hành Sách đỏ Việt Nam.

Chọn D.

Câu 29 (VD)

Phương pháp: Sử dụng Atlas Địa lí trang 22, kết hợp kỹ năng đọc atlas và biểu đồ

Cách giải:

- A không đúng: tỉ trọng giá trị sản xuất có xu hướng giảm trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp (từ 24,9% xuống 23,7%)
- B đúng: cơ cấu ngành tương đối đa dạng (gồm 6 phân ngành)
- C đúng: phân bố không đều trên cả nước, tập trung chủ yếu ở Đồng Bằng Sông Hồng, Đông Nam Bộ, Đồng Bằng Sông Cửu Long.
- D đúng: giá trị sản xuất tăng lên liên tục (từ 49.4 nghìn tỉ đồng lên 135,2 nghìn tỉ đồng)

Chọn A.

Câu 30 (NB)

Phương pháp: Sử dụng Atlas Địa lí trang 21

Cách giải:

Trung tâm công nghiệp nào sau đây có ngành hóa chất là Nha Trang.

Chọn A.

Câu 31 (TH)

Phương pháp: Kiến thức Địa lí 11 - Bài Đông Nam Á

Cách giải:

- A đúng: Các nước Đông Nam Á thường chịu ảnh hưởng của các thiên tai bão, lũ, động đất
- B đúng: các nước Đông Nam Á tiếp giáp vùng biển Đông rộng lớn, có nhiều lợi thế để phát triển kinh tế biển
- D đúng: là khu vực nằm trong vành đai nhiệt đới, giàu tài nguyên thiên nhiên, có khí hậu nóng ẩm, nguồn lao động dồi dào

- C không đúng: Hiện nay phần lớn các nước Đông Nam Á đã có sự chuyển biến tích cực về cơ cấu ngành kinh tế, tỉ trọng nông nghiệp giảm, xuống vị trí thứ 2 hoặc 3 và công nghiệp - xây dựng, dịch vụ ngày càng tăng lên nhanh

⇒ nhận định ngành nông nghiệp vẫn chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu kinh tế của đa số quốc gia là SAI

Chọn C.

Câu 32 (NB)

Phương pháp: Sử dụng Atlas Địa lí trang 9

Cách giải:

Địa điểm có biên độ nhiệt năm nhỏ nhất là Cần Thơ.

Cần Thơ thuộc miền khí hậu phía Nam, mang tính chất nhiệt đới cận xích đạo, nền nhiệt cao ổn định quanh năm.

Chọn B.

Câu 33 (NB)

Phương pháp: Kiến thức bài 20 – Chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Cách giải:

Chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ trong nông nghiệp của nước ta hiện nay biểu hiện ở việc nước ta đã hình thành các vùng chuyên canh trong nông nghiệp (cả nước có 7 vùng nông nghiệp)

Chọn C.

Câu 34 (NB)

Phương pháp: Sử dụng Atlas trang 13 – 14

Cách giải:

Cao nguyên Mơ Nông thuộc miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ. Các cao nguyên Sơn La, Mộc Châu, Tà Phình thuộc miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.

Chọn A.

Câu 35 (VD)

Phương pháp: Kỹ năng nhận diện biểu đồ

Cách giải:

Đề bài yêu cầu thể hiện sản lượng và giá trị của 2 đối tượng có 2 đơn vị khác nhau (nghìn tấn và triệu đô la Mỹ)

⇒ Biểu đồ kết hợp là thích hợp nhất

Chọn D.

Câu 36 (VD)

Phương pháp: Kỹ năng nhận xét biểu đồ

Cách giải:

- A đúng: tỉ trọng hàng nông – lâm – thủy sản và hàng khác luôn nhỏ nhất (năm 2014 là 18,8%)

- B không đúng: tỉ trọng hàng công nghiệp nặng và khoáng sản tăng mạnh (29,8% lên 44,5%)

- C không đúng: tỉ trọng hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp giảm (từ 48,1% xuống 36,7%)

- D không đúng: năm 2010 tỉ trọng hàng công nghiệp nặng và khoáng sản đứng thứ 2 (29,8%)

Chọn A.

Câu 37 (NB)

Phương pháp: Kiến thức bài 27 – Các ngành công nghiệp trọng điểm

Cách giải:

Tiềm năng về thủy điện của nước ta tập trung chủ yếu ở hệ thống sông Hồng (37%)

Chọn C.

Câu 38 (NB)

Phương pháp: Kiến thức bài 20 – Chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Cách giải:

Sự chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ công nghiệp nước ta được thể hiện ở nhiều khu công nghiệp tập trung, khu chế xuất, khu kinh tế cảng biển...được xây dựng và phát triển.

Chọn B.

Câu 39 (VD)

Phương pháp: Kiến thức bài 2 – Ý nghĩa vị trí địa lí về mặt tự nhiên

Cách giải:

Khí hậu nước ta có đặc điểm nhiệt đới ẩm gió mùa là do: nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến, nằm gần trung tâm gió mùa Châu Á, tiếp giáp với biển Đông.

- Tính nhiệt đới: do nằm trong vùng nội chí tuyến Bắc bán cầu nên quanh năm nhận được lượng bức xạ lớn từ Mặt Trời, nên nhiệt độ trung bình năm trên 24°C, cân cân bức xạ nhiệt luôn dương
- Tính ẩm: do tiếp giáp biển Đông rộng lớn, cung cấp nguồn ẩm và lượng mưa dồi dào
- Tính gió mùa: do nằm gần trung tâm gió mùa châu Á, trong năm có 2 mùa gió

Chọn B.

Câu 40 (VD)

Phương pháp: Kỹ năng tính toán

Cách giải:

Công thức: Tốc độ tăng trưởng = (Giá trị năm cuối / Giá trị năm đầu tiên) x 100 (%)

⇒ Kết quả:

| Vật nuôi | Tốc độ tăng trưởng (%) |
|-----------------|-------------------------------|
| Trâu | 87,5 |
| Bò | 130 |
| Lợn | 137 |
| Gia cầm | 174 |

⇒ Vật nuôi nào có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất trong giai đoạn 2010 - 2015 là đàn gia cầm (với 174%)

Chọn C.